

SỐ 2099

QUẢNG THANH LƯƠNG TRUYỆN

LỜI TỰA

Triều phụng lang thượng thư chức cục viên ngoại thị lang Thái nguyên phủ Đại Thông Giám kiêm binh mã Đô thượng kỵ đô úy tứ phi ngự đại tiền câu đang Ngũ đài sơn tự công ty sự Khích Tế Xuyên soạn thuật.

Phàm pháp

QUẢNG THANH LƯƠNG TRUYỆN

QUYỂN THƯỢNG

Núi Thanh Lương, chùa Đại Hoa Nghiêm, Đàn Trưởng Đại sư
Diệu Tế ban tặng pháp y sắc tía, Sa-môn Diên Nhất biên tập lại

- 1- Công đức nghe thấy nơi Bồ-tát sinh sống.
- 2- Có duyên Tổng biệt của Bồ-tát ứng hóa.
- 3- Thời nào Bồ-tát đến núi này?
- 4- Nguyên nhân núi Thanh Lương có được tên gọi.
- 5- Vết đi của Thánh xưa nơi năm Đài bốn Đổng.
- 6- Chùa chiền Thánh tích ở cảnh giới Ngũ Đài.
- 7- Giải thích nơi chốn các chùa ở Ngũ Đài.

1. CÔNG ĐỨC THẤY NGHE NƠI BỒ TÁT SINH SỐNG

Rõ ràng rằng Đại Thánh Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi Duệ từ lâu đã thành Phật, thị hiện ở nhân vị hành hạnh Bồ-tát để tiếp độ quần sinh đang mê mờ cố sao biết vậy? Căn cứ kinh “Lăng Nghiêm” quyển hạ nói: “Trong thời quá khứ cách đây vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp. Bấy giờ có Đức Phật hiệu là Long Chủng Thượng Tôn Vương Như Lai, cõi nước đó tên là Bình Đẳng... cho đến Đức Long Chủng Thượng Tôn Vương Như Lai ở thế giới Bình Đẳng thời bấy giờ đâu phải người nào lạ. Đó chính là Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử vậy? Lại thọ kinh “Ương Quạt Ma La” quyển tư nói: “Về phương Bắc cách đây hơn 42 hằng hà sa cõi nước, có nước tên là Thường Hỷ. Đức Phật hiệu là Hoan Hỷ Tạng Ma ni Bảo Tích Như Lai... cho đến: nếu có người nghe được danh hiệu Đức Như Lai đó, cung kính lễ bái thì sẽ sinh về cõi nước Hoan Hỷ. Xót thương bốn đường xấu ác. Nếu có người chuyên trì danh hiệu Đức Như Lai đó, thì ngay trong hiện tại cho đến các đời ở tương lai, giả sử có đến các nơi hiểm nạn đồng trống hoang dã, khiếp sợ, thầy đều được che chở cứu hộ đến khắp các nơi, khiếp sợ đều diệt mất, tất cả tám bộ quỷ thần xấu ác chẳng thể làm tổn hại”. Lại theo kinh “Đại Bảo Tích” quyển sáu mươi, “Hội Văn-thù-sư-lợi thọ ký” nói: “Lúc Văn-thù-sư-lợi thành Phật, hiệu là Phổ Kiến, vì ý nghĩa gì tên hiệu là Phổ Kiến? Vì Đức Như Lai đó ở trong vô lượng trăm ngàn muôn ức na do tha cõi nước ở mười phương khiến đều trông thấy, tuy chưa thành Phật, ở nơi ta hiện nay và sau khi ta diệt độ, nếu có người được nghe danh hiệu Đức Như Lai đó, cũng đều nhất định sẽ được thành Phật, chỉ trừ hạng đã vào địa vị ly sinh và hạng tâm chí hẹp hòi yếu kém. Cõi nước của Đức Phật ấy tên là “Tùy nguyện tích tập thanh tịnh viên mãn”... cho đến: nếu có người nghe được danh hiệu Văn-thù-sư-lợi, thì đáng gọi người đó là tận mắt được thấy chư Phật. Nếu có người thọ trì danh hiệu trăm ngàn muôn ức chư Phật, và nếu có người xưng danh hiệu Văn-thù-sư-lợi thì phước nhiều hơn hẳn người kia, huống gì xưng danh Đức Phật Phổ Kiến, cố sao vậy? Bởi lẽ trăm ngàn na do tha chư Phật làm lợi ích chúng sinh, chẳng bằng Văn-thù-sư-lợi ở trong một thời gian ngắn làm việc nhiều ích? Các văn chứng như vậy có nhiều chẳng phải chỉ một.

Hoặc có người hỏi: “Cõi nước của Văn-thù-sư-lợi khi đã thành Phật so với cõi nước của Đức Phật A-di-đà hơn kém như thế nào? Xin đáp: Theo kinh “Đại Bảo Tích” nói: “Thí như có người phân chiếc một sợi lông làm thành trăm phần. Lấy một phần sợi lông đặt để trong biển lớn lấy một giọt nước, dụ như cõi nước trang nghiêm của Đức Phật A-di-

đà, còn nước của biển lớn kia dụ cho cõi Phật trang nghiêm của Đức Phổ Kiến Như Lai, lại quá hơn thế, cơ sao vậy? Bởi cõi Phật trang nghiêm của Đức Phổ Kiến Như Lai, không thể nghĩ bàn.

Phần trên là nơi công đức của Bồ-tát lúc thành Phật, tiếp dưới là nơi về nơi sinh sống vừa chân lẫn tục của Bồ-tát.

Về phương diện sinh sống theo chân đế của Bồ-tát, thì theo kinh “Hoa Nghiêm” quyển bảy mươi chín nói: “Bồ-tát có mười thứ nơi sống. Những gì là mười? Nay Thiện nam! Tâm Bồ-đề là nơi Bồ-tát sinh sống, nên sinh vào nhà Bồ-tát. Thân tâm là nơi sinh sống của Bồ-tát nên sinh vào nhà Thiện tri thức. Các địa là nơi sinh sống của Bồ-tát nên sinh vào nhà Ba-la-mật. Đại nguyện là nơi sinh sống của Bồ-tát nên sinh vào nhà diêu hạnh. Đại bi là nơi sinh sống của Bồ-tát nên sinh vào nhà Bát nhã Ba-la-mật. Đại thừa là nơi sinh sống của Bồ-tát nên sinh vào nhà phương tiện thiện xảo. Giáo hóa chúng sinh là nơi sinh sống của Bồ-tát nên sinh vào nhà Phật. Trí tuệ phương tiện là nơi sinh sống của Bồ-tát nên sinh vào nhà vô sinh Pháp nhẫn. Tu hành hết thấy các pháp là nơi sinh sống của Bồ-tát nên sinh vào nhà cửa hết thấy các Đức Như Lai ở thời quá khứ, thời hiện tại và thời vị lai. Nay Thiện nam! Bồ-tát dùng Bát nhã Ba-la-mật làm mẹ nuôi, dùng trì giới Ba-la-mật làm mẹ dưỡng, dùng nhẫn nhục Ba-la-mật làm pháp cụ trang nghiêm, dùng tinh tấn Ba-la-mật làm dưỡng dục, dùng thiền Ba-la-mật làm người tắm rửa, dùng thiện tri thức làm thầy giáo thọ, dùng hết thấy Bồ-đề phần làm bè bạn, dùng hết thấy thiện pháp làm quyến thuộc, dùng hết thấy Bồ-tát làm anh em. Dùng tâm Bồ-đề làm nhà. Cứ như lý tu hành làm gia pháp, dùng các địa làm nhà ở, dùng các pháp nhẫn làm gia tộc, dùng đại nguyện làm gia giáo, dùng đầy đủ các hạnh làm thuận gia pháp, dùng khuyến phát Đại thừa làm tiếp nối gia nghiệp, dùng nước pháp rưới đánh một đời làm chỗ buộc Bồ-tát làm Vương Thái tử, dùng thành tựu Bồ-đề làm hay sạch gia tộc. Đó gọi là nơi sinh sống chân thật của Bồ-tát.

Tiếp theo, nói về nơi sinh sống của Bồ-tát thị hiện theo tục đế. Căn cứ theo kinh “Văn-thù-sư-lợi Bát Niết-bàn” nói: “Lúc bấy giờ Bồ-tát Bạt-đà-bà-la từ chỗ ngồi đứng dậy chỉnh trang y phục đánh lễ Đức Phật, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử đã từng thân gần trăm ngàn chư Phật, ở nơi thế giới Ta Bà này làm các Phật sự, với mười phương tiện biến hiện tự tại, đời kiếp lâu sau sẽ nhập Niết-bàn”. Phật bảo Bồ-tát Bạt-đà-bà-la: “Văn-thù-sư-lợi đây có đại từ bi, sinh nơi nhà Bà-la-môn Phạm Đức ở Tụ-lạc-đa-la nước Xá-vệ. Lúc ra đời, tất cả phòng ốc vườn nhà đều có hóa mọc

hoa sen, Văn-thù-sư-lợi từ hông phía hữu của mẹ mà sinh thân sắc màu vàng tía, vừa mới lọt lòng bèn liền nói được như Đồng tử cõi trời, có long bảy báu che phía trên. Đến nơi tiên nhân, cầu pháp xuất gia, các Bà-la-môn. Cả thấy chín mươi lăm thứ luận nghị sư đều không thể đối đáp nổi. Chỉ đến nơi chỗ ta, xuất gia học đạo... cho đến: ta nay lược nói vì chúng sinh mù tối ở trong đời vị lai”. Lại theo kinh “Bát Niết-bàn” nói: “Như người nghe danh hiệu Văn-thù-sư-lợi, hoặc thấy hình tượng, trong trăm ngàn kiếp chẳng rơi đọa vào đường xấu ác. Nếu có người đọc tụng danh hiệu Văn-thù-sư-lợi, giả sử có các tội chướng sâu nặng, cũng không sa đọa vào địa ngục A tỳ lửa dữ cực ác, thường sinh cõi nước thanh tịnh nơi các phương khác, gặp Phật nghe pháp, chứng đắc vô sinh pháp nhẫn”. Lại theo kinh “Bảo Khiệp” quyển hai nói: “Nếu cúng thí cho tất cả chúng sinh khắp trong ba ngàn Đại thiên thế giới, cung cấp các thứ vui thích suốt trăm ngàn ức năm, chẳng bằng cúng thí Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi chỉ bằng chút đầu móng tay, phước đức có được, ưu thắng hơn phước đức cúng thí trước”.

Hoặc có người hỏi: “Bồ-tát thành Phật đã lâu, cố sao lại làm Bồ-tát?”. Xin đáp: “Trong kinh “Vô cấu xưng” nói: “Tuy chứng đắc Phật quả, chuyển đại pháp luân, mà chẳng xả bỏ đạo Bồ-tát, đó là Bồ-tát hạnh”. Lại nữa, trong kinh A-di-đà sơ giải của Pháp sư không có ở chùa Đại Từ Ân nên dẫn kinh nói: “Xưa, ta thầy Năng Nhân, nay làm đệ tử Phật, hai tên đều chẳng hóa, nên ta làm Bồ-tát”. Lại hỏi: “Cố sao Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi?” Xin đáp: “Đó là do thời xưa lược phiên dịch từ Phạm ngữ mà sai nhầm. Nay tân truyện trong thời Bắc Tống ta, và lưu truyền của Tam tạng Pháp sư Bất Không ở thời Tiền Đường đều gọi là Mạn-tổ-thất-lợi-đa. Trung Hoa ta phiên dịch nghĩa là Diệu Cát Tường. Bồ-tát ấy lập danh có hai duyên. Một là theo thế tục, nhân thụ chướng mà gọi tên, hai là theo thắng nghĩa mà xưng đức hiệu, tạm theo thế tục, nhân thụ chướng mà gọi tên, thì lúc Bồ-tát ra đời, có mười sự cát tường, do đó gọi tên Bồ-tát là Diệu Cát Tường. Những gì là mười sự cát tường? Một là trời mưa cam lồ. Hai là đất tuôn vọt cát thứ phụ tàng. Ba là biển xanh biến thành lúa vàng. Bốn là trước sân sinh mọc hoa sen vàng. Năm là có ánh sáng tỏa khắp phòng nhà. Sáu là gà sinh ra loan phụng. Bảy là ngựa sinh kỳ lân. Tám là bò sinh bạch đà. Chín là heo sinh ra long độn. Mười là voi sáu ngà xuất hiện. Do vì Bồ-tát nhân thụ chướng ấy mà gọi tên. Thứ hai, y theo chân đế mà xưng đức hiệu, thì căn cứ theo kinh “Kim Cang đánh” nói: “Do thân Bồ-tát nhiếp khắp hết thấy pháp giới v. v... các thân Như Lai, hết thấy trí tuệ v. v... của

Như Lai và hết thấy thần biến du hý v. v... của Như Lai. Đã do cực diệu cát tường, nên gọi tên là Diệu Cát Tường”. Nên biết Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thần thông công đức chẳng thể nghĩ bàn”. Theo kinh “Đại Hoa Nghiêm” quyển sáu mươi mốt, phẩm “Nhập Pháp giới” nói: “Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: các ông quán sát thân Văn-thù-sư-lợi thanh tịnh, tướng tốt trang nghiêm, hết thấy trời người chẳng thể nghĩ bàn. Các ông có thể quán sát Văn-thù-sư-lợi có ánh sáng soi suốt khiến vô lượng chúng sinh phát tâm hoan hỷ. Các ông có thể quán sát Văn-thù-sư-lợi có lưới sáng trang nghiêm, diệt trừ vô lượng khổ não chúng sinh. Các ông có thể quán sát chúng hội đầy đủ của Văn-thù-sư-lợi đều là Bồ-tát nhiếp thọ thiện căn trong đời kiếp trước. Các ông có thể quán sát đường sở hành của Văn-thù-sư-lợi hai bên tám bộ bằng phẳng trang nghiêm. Các ông có thể quán sát nơi trú xứ của Văn-thù-sư-lợi khắp cùng mười phương thường có đạo tràng tùy theo mà chuyển. Các ông có thể quán sát đường sở hành của Văn-thù-sư-lợi đầy đủ vô lượng phước đức trang nghiêm, hai bên phải trái có phục tàng lớn, các thứ quý báu tự nhiên xuất hiện, các ông có thể quán sát Văn-thù-sư-lợi thiện căn từng cúng dường chư Phật lưu Bồ-tát hết thấy lũy gian xuất hiện kho tàng trang nghiêm. Các ông có thể quán sát Văn-thù-sư-lợi, mười phương hết thấy chư Phật Như Lai lúc sắp nói pháp đều tỏa phóng ánh sáng từ giữa chân mày soi chiếu đến thân Bồ-tát từ trên đánh vào. Lại bảo rằng “Bồ-tát Văn-thù hay tùy chỗ ưa thích, hiện thân tự tại, oai quang rực rỡ che khắp đại chúng, dùng sức đại từ tự tại khiến kia trong mát, dùng sức đại bi tự tại khởi tâm giảng nói pháp, dùng sức biện tài quảng đại, giúp vì giảng nói pháp”. Văn nhiều ở đây không ghi chép. Nên biết Bồ-tát dùng đại thiện xảo tiếp cứu quần sinh, làm bạn không thỉnh mời, tâm đại bi cứu đời, lời ấy thật đáng tin cậy. Lại nữa, trong kinh “Hoa Nghiêm” quyển bảy mươi chín, nói: “Bồ-tát Di-lặc bảo Thiện Tài rằng: “Văn-thù-sư-lợi có tâm nguyện lớn, chẳng phải trăm ngàn muôn ức na do tha chúng Bồ-tát khác có thể sánh kịp. Thiện nam tử! Đồng tử Văn-thù-sư-lợi có chí hạnh rộng lớn. Tâm nguyện vô biên xuất sinh công đức của hết thấy Bồ-tát, không có ngưng chỉ. Nay Thiện nam Văn-thù-sư-lợi thường làm mẹ của trăm ngàn muôn ức na do tha chư Phật. Thường làm thầy của trăm ngàn muôn ức na do tha chư vị Bồ-tát, giáo hóa thành tựu hết thấy chúng sinh. Danh xưng vang khắp mười phương thế giới. Thường ở trong chúng của hết thấy chư Phật làm thầy thuyết pháp. Hết thấy các đức Như Lai đều ngợi khen, trí tuệ sâu xa, hay như thật mà thấy hết thấy pháp, thông đạt hết thấy cảnh giới giải thoát, rất rạo hạnh sở hành

của Phổ Hiền. Nay Thiện nam! Văn-thù-sư-lợi là Thiện tri thức của ông, khiến ông được sinh vào Như Lai, nuôi lớn hết thấy các căn lành, phát khởi hết thấy phần trợ đạo pháp, gặp ngay Thiện tri thức chân thật khiến ông tu hết thấy công đức, vào lưới hết thấy chí nguyện, trú nơi hết thấy đại nguyện, vì ông giảng nói pháp bí mật của hết thấy Bồ-tát, hiện hạnh mà hết thấy Bồ-tát khó thể nghĩ bàn, cùng ông trong đời kiếp xưa trước đồng sinh đồng hành. Cho nên, nay thiện nam ông nên đến nơi Văn-thù-sư-lợi chớ sinh nhầm chán”.

Với người biên tập truyện thì, kiểm xét đó mà luận bàn là đã rõ thiện tài kia được thấy Văn-thù-sư-lợi đều là đời kiếp xưa trước đồng sinh đồng hành... cho đến chớ sinh nhầm chán, huống gì các người con ở trong nhà cửa nay đây, nếu hay chuyên tâm cầu thấy Đại Thánh, há chẳng nên ư?

2. CƠ DUYÊN TỔNG BIỆT CỦA BỒ TÁT ỨNG HÓA.

Phàm, Đại Thánh ứng hóa có tổng có biệt, bởi tùy cơ duyên nên vậy. Thế nào là không? Xin đáp: Như kinh “Hoa Nghiêm” quyển năm mươi nói: “Thí như vầng nguyệt luân có bốn pháp hy kỳ hiếm có. Những gì là bốn? Một là ánh sáng che khắp hết thấy ánh sáng của muôn sao. Hai là tùy xoay theo thời, thị hiện đầy khuyết. Ba là khắp chốn Diêm Phù Đề nói có nước trong, không đâu ảnh bóng chẳng hiện. Bốn là tất cả mọi người thấy thấy đều được đối trước mắt, mà vầng nguyệt luân ấy không có phân biệt, không có hý luận. Phật tử! Thân nguyệt của Đức Như Lai cũng lại như vậy, có bốn pháp hy kỳ chưa từng có. Những gì là bốn: một là theo chỗ nói ánh sáng soi chiếu hết thấy các chúng Thanh văn, Duyên giác, Hữu học, vô học. Hai là tùy chỗ thích nghi mà thị hiện thọ mạng ngắn dài chẳng đầy nhưng thân Như Lai không có tăng giảm. Ba là hết thấy thế giới tâm chúng sinh thanh tịnh trong khi Bồ-đề, ảnh bóng Như Lai không đâu chẳng hiện. Bốn là hết thấy chúng sinh có chiêm ngưỡng đối mặt, đều nói là Đức Như Lai chỉ hiện trước ta. Tùy tâm ưa thích của người đó mà Đức Như Lai vì giảng nói pháp, khiến được giải thoát... cho đến: mà thân Như Lai không có phân biệt, không có hý luận”. Nay Văn-thù-sư-lợi cũng như vậy cũng như vậy. Nên trong kinh “Bồ-tát Bát Niết-bàn” nói: “Thú trong sức Lăng Nghiêm Tam-muội, nên ở mười phương diện, hoặc hiện sơ sinh, hoặc hiện diệt độ, nhập bát Niết-bàn, hiện chia Xá-lợi, làm lợi ích chúng sinh... cho đến: Văn-thù-sư-lợi có vô lượng thân thông biến hiện, không thể nói đủ cả”. Nêu bày trên tức là Bồ-tát biến khắp tất cả nơi, ứng khắp có duyên,

nên gọi là tổng. Nên trong “Hoa Nghiêm sao” dẫn lời kệ của kinh nói: “Bồ-tát Đại Văn-thù, chẳng xả nguyện đại bi, biến thân làm di đạo, đội mũ hoặc mình trần, hoặc ở trong đám trẻ, đùa vu nơi tụ lạc, hoặc làm người bần cùng, dung mạo già suy yếu, lại hiện khổ đối lạnh, rong ruổi nơi phường chợ, xin áo cơm mọi vật, khiến người một lần thí, cho đủ hết thấy nguyện, sai khiến phát tâm tin, tâm tin đã phát rồi, vì nói pháp lục độ, dẫn muôn vàn Bồ-tát, ở nơi núi Ngũ Đảnh, phóng muôn ức ánh sáng, người trời thấy đều thấy tội cấu đều tiêu trừ”. Hai là biệt duyên tức nay biến ở tại núi Ngũ Đài, Thanh Lương ấy vậy. Xứ đó cơ duyên ưu thắng, lại là chỗ vốn ở, báo độ thế giới sắc mùa vàng ròng chánh ở đó. Căn cứ theo Đại Đường Đông Hạ Thần Châu cảm thông lục”, thì giữa tháng 12 đến tháng 03 năm Tân Đức thứ nhất (664) thời Tiên Đường, Luật sư Đạo Tuyên có vài người trời đến lễ bái cùng đàm nói. Nhân đó Luật sư Đạo Tuyên hỏi người Trời rằng: “Xưa trước tương truyền Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở tại núi Thanh Lương, dẫn dắt năm trăm tiên nhân, giảng nói pháp. Trong kinh nói rõ Văn-thù-sư-lợi xưa kia là Bồ-tát ở thế giới Ta Bà. Ta Bà là tên gọi chung của Đại Thiên, cơ sao lại riêng ở xứ này?” Người trời đáp rằng: “Văn-thù-sư-lợi là bậc Đại sĩ Pháp Thân là Nguyên soái của chư Phật, tùy duyên lợi hiện, ứng biến không cùng. Công năng của Đại sĩ chẳng như cảnh giới con người, chẳng nhọc bình luận, chỉ nên biết Đại Thánh phần nhiều ở tại núi Thanh Lương”. Dưới núi Thanh Lương có núi Tiên Hoa, lại có huyện Ngũ Đài, phủ Thanh Lương, thường luôn có người đến, không thể không tin.

3. THỜI NÀO BỒ TÁT ĐẾN NÚI NÀY?

Căn cứ kinh “Đại phương Quảng Phật Hoa Nghiêm” quyển bốn mươi lăm, phẩm “Trú xứ của Bồ-tát” nói: “Ở phương đông bắc có nơi, tên là núi Thanh Lương, từ xa xưa đến nay, các chúng Bồ-tát đến ở trong đó. Hiện tại có Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi cùng với quyến thuộc, các chúng Bồ-tát có cả thấy một muôn vị, đều thường ở tại trong, mà giảng nói pháp”. Lại căn cứ theo kinh “Văn-thù Bồ-tát hiện Bảo Tạng Đà-la-ni” nói: “Bấy giờ Bồ-tát Kim Cang Mật-tích chư bạch Đức Phật rằng: “Thế Tôn xưa trước từng vì chúng con giảng nói là “sau khi ta diệt độ, tại Nam Thiệm Bộ Châu trong thời ác thế Văn-thù-sư-lợi hay làm lợi ích hết thấy chúng sinh, làm những Phật sự lớn”. Cúi mong Đức Thế Tôn vì chúng con mà phân biệt giảng nói”. Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Mật Tích chủ: “Sau khi ta diệt độ tại Thiệm Bộ Châu này, về phương đông bắc có nước tên là Đại Chấn Na, trong nước đó có núi tên là Ngũ

Đảnh. Đồng tử Văn-thù-sư-lợi du hành đến ở đó, vì các chúng sinh ở trong đó mà giảng nói pháp. Lại có vô lượng Trời rồng, Dạ-xoa, La sát, Nhẫn-na-la, Ma-hầu-La-già, người và phi nhân v. v... vây quanh cúng dường... cho đến: Văn-thù-sư-lợi có vô lượng oai đức như vậy. Thần thông biến hóa, tự tại trang nghiêm, hay rộng làm lợi ích hết thảy các loài hữu tình, thành tựu viên mãn sức phước đức, không thể nghĩ bàn". Lại căn cứ theo kinh "Văn-thù Bát Niết-bàn" nói: "Đại sĩ như vậy, lâu trú trong Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội, sau khi Phật diệt độ bốn trăm năm mươi năm, sẽ đến núi Tuyết vì năm trăm Tiên nhân nói pháp giáo hóa, thành tựu khiến không thối chuyển. Lại theo "cảm thông lục" quyển thượng nói: "Luật sư Đạo Tuyên hỏi người Trời rằng: "Nay cách hai mươi dặm về phía Đông nam của Trung đài ở núi Ngũ đài, thấy có chùa Đại Phu Linh Thứu. Hai nhà cách nhau khe suối đến nay vẫn hiện còn, phía nam có vườn hoa rộng khoảng ba khoảnh, quanh năm sắc thái tươi tốt, mọi người chẳng nghiên cứu rõ nguyên do đầu tiên từ đâu. Có người nói do vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán tạo lập nên, hoặc có người nói do vua Hiếu Văn Đế (Nguyên Hoàn 471-450) thời Bắc Ngụy tạo lập nên, nói bày chẳng đồng. Việc ấy như thế nào?" Người Trời đáp: "Hai vị vua ấy từng đến nơi đó tạo chùa cúng dường. Và vua A-dục cũng từng đến đó tạo dựng tháp. Xưa vua trong đời vua Mục Vương (Cơ Mãn 976-921 trước Tây lịch) thời Tây Chu đã có Phật pháp. Núi đó Linh Di, là nơi Văn-thù-sư-lợi thường ở. Đầu đời vua Minh Đế thời Hậu Hán, tôn giả Ca-diếp-ma-đăng dùng thiên nhãn cũng thấy có tháp, khuyên nên tạo dựng chùa đặt tên là "Đại Phu Linh Thứu". Nói "phu" nghĩa là "tin", tức chỉ vua tin lý Phật, nên dựng lập chùa khuyên người, nên gọi tên là "Đại phu". Lại vì hình trạng núi đó so với núi Linh Thứu ở Thiên Trúc có phần tương tự, nhân đó mà gọi tên là "Đại phu Linh Thứu" như vậy". Thời Bắc Ngụy, vua Hiếu Văn Đế (Nguyên Hư 516-528) thường đến đảnh lễ bái yết cách Bắc Đài không xa thấy có dấu vết người ngựa đi trên đá rất rõ ràng, việc ấy có thể biết được. Đến thời Tiền Đường, Pháp sư Trường Quán đến đó tạo "Đại Hoa Nghiêm kinh sở". Nhà vua bèn ban sắc cải đổi tên chùa là "Đại Hoa Nghiêm".

Hoặc có người hỏi: "Căn cứ theo "Phẩm Bồ-tát trú xứ" trong kinh Hoa Nghiêm, tức nói Bồ-tát thường ở tại núi đó. Cớ sao trong hai kinh "Hiện Bảo Tạng" và "Bát Niết-bàn" đều nói sau khi Phật diệt độ mới đến đó?" Xin đáp: "Đó là do Bồ-tát an trú trong Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội, với diệu lực vô tác, hay phân chia một thân làm vô lượng thân, lại đem vô lượng thân nhập vào trong một thân, đều không chướng

ngại. Như trong kinh rộng nói hay đem một phân thân vô lượng thân, tức một thân thường trú tại núi đó, còn các thân được phân hóa thì đến các cõi ở mười phương, thì khó nghĩ hóa tức như Hoa Nghiêm nói tại núi đó vậy. Lại nữa, lại đem vô lượng thân vào trong một thân, tức mười phương cõi thí hóa đã xong, trở lại vào trong một thân này, để dẫn dắt chúng sinh khiến phát đạo tâm tức như trong kinh Hiện Bảo tạng và kinh Bát Niết-bàn nói sau khi Phật diệt độ lại vào núi này, là đó vậy. Đối với lý, đâu phòng ngại gì, huống hồ cảnh giới của Đại Thánh không thể nghĩ bàn, đâu có thể dùng sức phàm tình mà có thể lường đạt được ư? Nên trong “Hiển Dương Thánh Giáo luận” nói: “Đối với cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, mà cưỡng ép nghĩ bàn, thì có ba điều lỗi quá, đó là: Một là tâm cuồng loạn, hai là sống chẳng có phước, ba là không được tốt lành, còn nếu chẳng cưỡng ép nghĩ thì được ba quả lành, đại lược có thể biết đó”. Lại có chua chú thêm rằng: “Tuy thân ứng vô phương, nhưng đạo không thể đâu chẳng ở, chỉ vì Bồ-tát vốn giáo hóa ở cảnh giới ấy, có duyên riêng ưu thắng. Đâu có gì đáng nghi ư?”

4. NGUYÊN NHÂN NÚI THANH LƯƠNG CÓ ĐƯỢC TÊN GỌI

Căn cứ theo “Hoa Nghiêm kinh sơ” nói: “Núi Thanh Lương tức là núi Ngũ Đài ở quận Nhạn Môn tại Đại Châu. Do nhiều năm tích chứa băng cứng, mùa hạ mới có hơi tuyết bay, chẳng hề nắng nóng, nên gọi là Thanh Lương. Có năm ngọn núi cao vút, trên đỉnh không có cây rừng, chỉ có đài như đất đắp ụ nên gọi là Ngũ Đài”. Lại căn cứ theo “Hải Đông Văn-thù truyện” nói rằng: “Ngũ Đài tức là tòa cửa các đức Như Lai ở 5 phương, cũng là trên đỉnh tượng Bồ-tát có 5 búi tóc”.

Nhân hai đoạn văn trên, tôi (Diên Nhất) nay lại diễn rộng ra. Căn cứ “Kinh Thiên Bát” và “Văn-thù-sư-lợi Ngũ Tự Đà-la-ni” cùng “Du Già Quán môn” nói: “Văn-thù là tiêu biểu cho Bát nhã, hay sinh ra chư Phật”. Theo kinh “Đại Bảo Tập” quyển sáu mươi, trong hội “Văn-thù” nói: “Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Tôi dùng thiên nhãn vô ngại trông thấy hết thấy các Đức Như Lai ở trong vô lượng vô biên cõi nước của chư Phật, nếu chẳng phải do tôi khuyến phát tâm Bồ-đề quyết định, dẫn dắt dạy răn, khiến tu các pháp bố thí, trí giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ, khiến chứng đắc A-nâu-đa-la-tam Bồ-đề, thì tôi đối với đạo Bồ-đề trọn không nên chứng, mà tôi cần phải hoàn toàn tâm nguyện ấy, về sau mới chứng Vô Thượng Bồ-đề”. Lại nữa, Văn-thù là tiêu biểu cho Bát nhã, Bồ-tát với tâm đại bi hay làm

tăng thượng, diệt trừ tất cả nghiệp chướng phiền não của chúng sinh v. v... căn cứ theo kinh “Kim Cang đảnh”, trong phẩm “Kim Cang giác Đại Bồ-tát Tam ma địa nhất thiết Như Lai trí tuệ” nói: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nhập “Văn-thù-sư-lợi Ma-ha Bồ-đề tát đỏa Tam-ma-da sở sinh pháp” như trì Kim Cang Tam ma địa rồi, lại từ tự tâm lưu xuất hết thấy Như Lai đại trí tuệ Tam-ma-da đây, gọi là nhất thiết Như Lai tâm ấn, và liền nói mật ngữ “Bạt chiết ra để sắt na”. Khi mới tuyên xuất lời ấy, ở nơi tâm hết thấy Như Lai tức Bạc già phạm kia nắm giữ Kim Cang làm kiến trí mà lưu xuất rồi, đồng một mật hợp, vào nơi trong tâm Phật Tỳ-lô-giá-na, bèn làm túi dao. Đã thành tựu rồi, trú nơi trong tay Phật Tỳ-lô-giá-na. Khi ấy từ trong thân túi dao Như Lai kia xuất hiện thân Như Lai ở hết thấy các thế giới v. v... hết thấy Như Lai trí tuệ v. v... và hết thấy Như Lai thần biến du hí rồi. Do cực diệu Cát tường và Kim Cang tát đỏa Tam ma địa, cực kiên lao đồng một mật hiệp, dùng làm thân Văn-thù-sư-lợi Ma-ha Bồ-đề tát đỏa. Đã thành tựu rồi, trú nơi tâm Phật Tỳ-lô-giá-na Thế Tôn, mà lớn tiếng tuyên phát lời rằng: “Ta là lời chư Phật, gọi là tiếng Văn-thù, như dùng không hình sắc, âm thanh khó được biết” (vì pháp thân chư Phật vốn không hình tướng, sợ thành đoạn diệt, nên dùng âm thanh giả thuyết giải tiêu biểu. Thuyết giải lời Phật nói tức là tiếng của Văn-thù). Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi ma-ha Bồ-đề tát đỏa từ tâm Thế Tôn trở xuống, nương theo bên hữu hết thấy Như Lai trú trong Nguyệt luân lại cầu thỉnh chỉ dạy. Khi ấy, Phật Tỳ-lô-giá-na nhập “Nhất thiết Như Lai trí tuệ Tam-ma-da Kim Cang Tam ma địa” rồi, hiện hết thấy Như Lai đoạn trừ phiền não Tam-ma-da, vì cùng tận cõi chúng sinh đoạn trừ tất cả các khổ, và tất cả đều an lạc thỏa ý thọ dụng v. v... cho đến, thành tựu, hết thấy Như Lai tùy thuận chúng sinh âm thanh, viên mãn trí tuệ tối thượng tất địa. Bồ-tát Kim Cang giác kia ở nơi Văn-thù-sư-lợi Ma-ha Bồ-đề tát đỏa, như trên nơi hai tay trao lấy v. v... cho đến Dao Kim Cang ấy khua phá rồi, mà lớn tiếng xưng rằng: “Đây là Bát nhã Bà-la-mật của Như Lai hay phá trừ các thứ oán địch, rất ưu tối trong việc diệt tội. Nên tay hữu nắm dao tiêu biểu cho dụng của Bát nhã, đoạn trừ tất cả phiền não oán địch của chúng sinh”.

Lại, sự tiêu biểu của Ngũ Tự “Du già quán môn” là: “A” tức là vô sinh môn, thuyết giải hết thấy các pháp vô sinh, tiêu biểu cho đại viên cảnh trí Đông phương Kim Cang Bộ chủ, A-sơ Như Lai tức tượng một búi tóc trên đảnh Bồ-tát ở phía Đông vậy. “Ra” tức là vô cấu môn, thuyết giải hết thấy các pháp vô cấu, tiêu biểu cho bình đẳng tánh trí. Nam Phương Bảo bộ chủ, Bảo Sinh Như Lai, tức tượng một búi tóc trên

đánh Bồ-tát ở phía nam vậy. “Bả” tức vô đê nhất nghĩa đế môn, tiêu biểu cho Diệu Quán Sát Trí. Tây phương Liên Hoa bộ chủ vô lượng thọ Như Lai, tức tượng một búi tóc trên đỉnh Bồ-tát ở phía Tây vậy. “Tả” tức chư pháp vô hành môn, tiêu biểu cho thành sở tác trí, Bắc phương Yết Ma bộ chủ bất không thành tựu Như Lai, tức tượng một búi tóc trên đỉnh Bồ-tát ở phía Bắc vậy. “Na” tức các pháp không tánh tướng, lia ngũ ngôn văn tự môn, tiêu biểu cho pháp giới thanh tịnh, ở phương giữa Như Lai bộ chủ, Tỳ-lô-giá-na Như Lai, tức tượng một búi tóc trên đỉnh Bồ-tát ở phương giữa. Nên trên đỉnh tóc Bồ-tát phân làm năm búi tóc và núi phân năm ngọn há tự nhiên rộng không ư? Nên có nguyên do vậy. Do đó, trong “Hoa Nghiêm sở” nói: “Tiêu biểu Đại Thánh của chúng ta, năm trí đã chu toàn, năm nhãn đã thanh tịnh, gồm chân nguyên của năm bộ nên trên đầu đội mũ có tượng năm Đức Phật. Đỉnh đầu phân búi tóc ở năm phương là chuyển vận cốt yếu của năm thừa, là thanh lọc tai ương của năm trước.

Núi ấy đầy đầy vài châu, dài năm trăm dặm, bên tả gần Hằng Nhạc, ẩn vút tận trời, bên hữu khổng chế khắp cùng Hồng Hà quán quanh dãy đất phía bắc gần Sóc Dã, lấy hạn định từ quan phòng của Hùng Trấn, phía nam ôm choàng cả phần dương, làm thế ưu thắng của Thần Châu, xoay quanh Nhật Nguyệt, chứa rõ mây rồng, tuy tuyết tích chứa mùa hạ vẫn ngưng đọng mà Hoa Kỳ có cả muôn thứ, mùa đông rét giá nhưng cỏ quý có cả ngàn loại. Núi đỏ mở giảng, đất bằng biếc lớp lớp nổi, dần trải khoảng không, vượt qua hiểm trở. Khi gặp có hạng người vật ngoại sở võ nắm móc giẫm trải hiểm nguy, mỗi lúc đến cảnh phi thường, mây trắng ngưng giảng, nghi sạch quán nơi sông dài. Lúc mặt nhật mọc lên, nhận phù tang nơi biển lửa. Lại nữa, trong “Hoa Nghiêm sở” chú thích ở phẩm “trú xứ của Bồ-tát” nói: “Tôi (?) thừa nhỏ tầm theo sách đây, mỗi lúc đến đoạn văn đó, đều xếp xấp quyển mà tán thán, nên chẳng ngại xa ngàn dặm, phó mặc tánh mạng nương gá đến cảnh Thánh, cùng dẫn dụ mười năm ở đó, hoặc cảm ứng hiển bày, đầy cả tai mắt, cho đến các việc phu hạ cảnh thắng thật lắm nhiều, rành rẽ cung rồng, ban đêm mở bày ngàn ánh trắng, nẩy mầm cỏ quý, sáng sớm có trăm hoa, hoặc muôn Thánh liệt bày giữa hư không, hoặc năm thứ mây ngưng đọng trên chót vót, viên quang ngời sáng giữa núi biếc, chim quý vỗ cánh bay giữa khói mây chỉ nghe tên của Đại Thánh, không còn phải lo nghĩ ở nhân gian. Người vào cảnh Thánh mà tiếp võ, kẻ đổi tâm trần mà giả vai cùng trông xem đồng gọi là chẳng phải phạm, tận mắt đều là Phật sự, chùa chiền ở thế núi ấy, chẳng thể tính kể. Từ khi đấng Đại sư ẩn vết ở Tây

Thiên, Diệu Đức Phật huy nơi Đông Độ. Tuy pháp thân mãi còn mà Kê Sơn không ngăn bít nơi hoang vắng mà ứng hiện có phương. Thấu Lãnh có được tên ở xứ này, Thần tăng hiển bày nơi cảnh linh. Tuyên Công (Luật sư Đại Tuyên) lên bả các trời. vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán mở đầu từ Ca-diếp Ma-đăng. Trong thời nhà Ngụy, vui kính tin chí hóa, thời Bắc Tề có vài châu đốc cả bổng lộc. Có sự hồi quang của chín vua thời Tiền Đường, có người từ năm xứ Thiên Trúc quên cả thân mạng mà rao tìm phong hóa, có người ở khắp tám phương bỏ cả thân mình mà đua ganh ghi ký. Như có người ở Thần Châu, suốt một đời mà chẳng đến, nào khác gì ba ước đồ chúng ở Xá-vệ ư?”

Lại, căn cứ theo “Đại Đường Thần Châu cảm thông lục” nói: “Từ đông sang tây của Đại Châu có núi Ngũ Đài, xưa trước xưng gọi là vườn nhà của thần tiên. Núi vuông năm trăm dặm, dáng thế rất cao vút. Ở trên có năm đài, đánh lễ không cỏ sinh mọc, từng bách tươi tốt như rừng rậm nơi đáy cốc. Núi đó rất lạnh ở phía nam gọi là núi Thanh Lương, phía dưới núi có phủ Thanh Lương. Trong kinh nói rõ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đem năm trăm tiên nhân đến ở núi tuyết Thanh Lương, tức là nơi chốn đó vậy. Do đó, xưa nay các bậc cầu đạo phần nhiều đi đến núi đó. Dấu vết linh thiêng còn lại nơi hang cốc, rõ ràng trước mắt, thẳng nhọc thiết bày. Trung Đài rất cao, cách đất bằng bảy trăm, trông như ngón tay. Ở trên có ngôi Phù Đồ bằng đá nhỏ, lượng cả hàng ngàn, tức do vua Văn Đế (thác bạt hoành 471-500) thời Bắc Ngụy tạo lập. Trên đá, dấu vết người ngựa uyển nhiên hiện cai. Trên đỉnh có dòng suối lớn tên là Thái Hoa, lắng trong tựa như gương soi. Có hai ngôi Phù Đồ cặp theo đó. Bên trong có tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, người nào có đến đó, thì tiếng chuông hơi hương không ngày nào chẳng nghe, tượng quý thần tăng thường luôn gặp gỡ. Khoảng trong niên hiệu Long Sóc (661-664) thời Tiền Đường trở lại, vua Cao Tông (Lý Trị 650-684) ban sắc Sa-môn Hội Di ở chùa Hội Xương, đến đó tu sửa chùa tháp. Trước sau có vài lần lui tới, cũng gặp các điều linh cảm. Đến trong niên hiệu chánh quán (?), có Thiền sư giải thoát đến theo hành tập định pháp, tự nói “ở phía Bắc vườn hoa đã từng bốn lượt trông thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, có các đồ chúng bay theo đầy cả hư không, các tiên dị Thánh, chẳng thể tính kể”.

Hoặc có người hỏi: “Núi Thanh Lương chỉ là núi lạnh, nên gọi đó là Thanh Lương, là tự thuộc thẳng đức ư? Nếu chỉ là núi lạnh mà gọi là Thanh Lương, tức âm sơn cùng cốc, các phương rét lạnh đều là Thanh Lương. Nếu tự thuộc thẳng đức mà gọi là Thanh Lương tức chỉ

nơi các tiên Thánh ở, đáng cũng nên gọi là Thanh Lương, tức đầu riêng núi ấy chiếm tên đó ư?-xin đáp: “Hắn gồm có hai tướng, tức không xen lạp vậy. Một là núi lạnh gồm có năm đỉnh như núi ở trên. Hai là chỉ tựu thuộc hóa cảnh của Văn-thù-sư-lợi chọn nơi ở cho các tiên Thánh khác. Như trong kinh “Bát Nê Hoàn” nói: “Nếu có người đọc tụng danh hiệu Văn-thù-sư-lợi, giả sử có các tròng chướng cũng không sa đọa vào địa ngục A-tỳ lửa dữ rất khổ, mà thường sinh về cõi nước trong mát ở phương khác, gặp Phật nghe pháp, chứng đắc vô sinh nhẫn”. Lại nữa, trong phẩm “nhập pháp giới” ở kinh Hoa Nghiêm” nói: “Dùng sức đại từ tại khiến kia trong mát”. Đó tức có nghĩa ấy vậy. Nên hóa phương theo vật, chúng sinh tự thấy ở sự hưng thịnh trong mát mát, nhưng kỳ thật báo độ vẫn lặng yên không theo sự sinh liệt của khí giới, như thế mà thôi vậy.

5. VẾT ĐI CỦA THÁNH XƯA NƠI NĂM ĐÀI BỐN ĐỐNG

Căn cứ theo “Linh Ký” nói: “Ngũ Đài có bốn đống, cách đài mỗi mỗi một trăm hai mươi dặm”. Căn cứ theo “Cổ Đồ” biên ghi thì đài nay đây tức là Trung Đài xưa trước, còn Trung Đài tức là Nam Đài. Đại Hoàng tiêm tức là Bắc Đài, núi Khảo Lão là Tây Đài, Man Thiên Thạch tức là Đông Đài (chỉ có Bắc Đài và Trung Đài thời xưa có khác, còn Đông Đài và Tây Đài xưa nay không khác).

Đài Vô Tuất, tức là đỉnh Thường Sơn vậy. Xưa kia, Triệu Giản Tử tên là Vô Tuất từng lên núi đó trông nhìn Đại Quốc, nhìn xuống Đông Hải có cung Bồng Lai, trông xem vườn nhà của thần tiên. Đó là nơi Bồ-tát Phổ Hiền dừng ở trong đó, có ráng mây ẩn hiện qua lại cả năm đài. Những người lên đài phần nhiều trông thấy điềm linh, duyên Thánh tích ấy nên gọi là đống phía Đông.

Ở Phía Tây có núi Mãng..., phía trên có cung điện, ao hồ, miếu cổ. vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) thời nhà Tùy đến ở đó tránh nắng nóng. Nhân đó nói ao trời, tạo lập cung thất, lầu rồng cửa phụng đầy khắp bên cạnh ao hồ. Ao hồ đó, ở đời tương truyền là nơi rồng thần ở. Duyên Thánh tích ấy nên xưng gọi là đống phía tây.

Ở phía nam có núi Hệ Chu (buộc thuyền), phía trên có vòng đồng, trục thuyền vẫn hiện còn. Xưa kia vua Nghiêu gặp nạn hồng thủy nên buộc thuyền tại đó. Ở đời tương truyền vua Nghiêu thấy được Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi xuất hiện ở Nam Đài. Duyên Thánh tích ấy nên gọi là đống phía nam.

Ở phía Bắc có đồi Phú Túc, tức là núi Hạ Ốc. vua Hiếu Văn Đế

(Thác Bạt Hoàn 471-500) thời Bắc Ngụy đến dừng nghỉ qua đêm tại đó để lánh nắng nóng, nhân đó mà đặt gọi tên, trông nhìn xuống dưới thấy chùa Thạch Quặc ở Vân Châu. Ở đời tương truyền trên núi đó có thành Càn Thác Bà, tức là Hóa Thành, thường lúc mặt nhật sắp ló dạng thành ấy mới hiện. Lại trông thấy ở Bắc Xuyên, phần mộ của Ngô có cả từng lớp, có quỷ rảo đi đến phía Nam. Lại thấy ở Nam Sơn có lũy từng cọc xuất hiện theo hàng, vua Văn Đế kêu gọi tên ấy, lũy ấy liền xoay thấp uốn cong mà chạy, nhân đó gọi đó là Á Tẩu Bách. Và do sự tích ấy nên gọi là đống phía bắc.

Đền thời Tiền Đường, có Thiên sư Nghiễm là vị Tăng thần dị từng lên trên Tây đài và Nam đài, trông thấy ở năm đỉnh có mây năm sắc che phủ. Theo mây che phủ, phối đó làm đài. Chỉ có Trung Đài ngày xưa tức là Bắc Đài ngày nay, Nam Đài ngày xưa tức là Trung Đài ngày nay (vua Hiếu Văn Đế phong làm Nam Nhạc vậy), ngoài ra đều y định vậy.

6. CHÙA CHIÊN THÁNH TÍCH Ở CẢNH GIỚI NGŨ ĐÀI.

Trên đỉnh Trung Đài có ao Thái Hoa vuông rộng hai dặm, trời sinh chín khúc, nước ở đó lắng trong, sắc màu tợ lưu ly suốt thấy tận đáy. Trong ao ấy nơi bằng phẳng có đá lối lạc. Giữa khoảng rừng đá lại có hoa quý, trăm thứ ánh ngời là nơi vườn nhà cung thất rồng thần ở. Có người vừa trông thấy, khiếp sợ kinh thần, mây mốc đẹp lành ngời ánh, khó thể nói đủ cả. Nhưng ao ấy có lớn nhỏ cạn sâu, tùy theo thần biến chẳng định, người đến bái yết kính lễ cởi mở chuỗi châu anh lạc v. v... đang mang đeo ném bỏ vào trong ao mà đi. Năm Khai Hoàng thứ 11 (591) thời nhà Tùy, vua Văn Đế (Dương Kiên 581-605) ban sắc sai Hân Châu thứ sử Thôi Chấn mang các thứ cúng cụ đến đánh Ngũ Đài, thiết trai cúng dường, dựng lập văn bia và thấy ở thời Bắc Ngụy, Bác Lãng Công Thái thú vâng phụng đi sứ đến đài, xa thấy rừng đá đều là thân Bồ-tát mang đeo anh lạc, nên đài báu tháp sắt công đức rất nhiều, chẳng thể ghi hết.

Xưa trước có mười ngôi chùa:

- 1- Chùa Đại Phu Linh Thứu
- 2- Chùa Vương Tử.
- 3- Chùa Linh Phong.
- 4- Chùa Phạm Tiên.
- 5- Chùa Thiên Bền.
- 6- Chùa Thiên Lương.

- 7- Chùa Thạch Quặc.
- 8- Chùa Phật Quang.
- 9- Chùa Đấng Xương.
- 10- Chùa Lâu Quán.

- Đến nay, từ thời nhà Đường trở lại, có thêm sáu chùa:

- 1- Chùa Trúc Lâm.
- 2- Chùa Kim Các.
- 3- Chùa An Thánh.
- 4- Chùa Văn-thù.
- 5- Chùa Ngọc Hoa.
- 6- Chùa Thánh Thọ.

- Lại có bốn Linh Tích:

- 1- Ao Thái Hoa.
- 2- Ao Bạch Thủy.
- 3- Dấu người ngựa thời vua Hiếu Văn Đế.
- 4- Hang Băng đóng ngàn năm.

- Lại có năm thứ danh hoa:

- 1- Hoa Nhật Cúc.
- 2- Hoa mười hai viện Hiếu Văn.
- 3- Hoa Ngũ Phụng.
- 4- Hoa Bách Chi.
- 5- Hoa Bát Nang.

Trên đỉnh Bắc Đài có giống trời, phía dưới có cung rồng gần ao Bạch Thủy nối liền nhau, hang Kim Cang cũng cùng thông suốt.

- Xưa tích có tám ngôi chùa:

- 1- Chùa Bảo Tích.
- 2- Chùa Tịch Minh.
- 3- Chùa Mộc Thảo.
- 4- Chùa Phổ Tế.
- 5- Chùa Công Chúa.
- 6- Chùa Cam Tuyền.
- 7- Chùa Đại Cốc.
- 8- Chùa Thánh Thọ.

- Đến nay, lại có thêm hai ngôi chùa:

- 1- Chùa Bảo Sơn.
- 2- Chùa Thái Bình Hưng Quốc.

- Lại có mười sáu Linh Tích:

- 1- Ao Thất Phật.
- 2- Đài La-hán.
- 3- Suối Cữu nữ.
- 4- Đài Công Chúa.
- 5- Đài Hiếu Văn Đế dạy chim răn.
- 6- Trường Hiếu Văn Đế đánh cầu.
- 7- Am tiên nhân.
- 8- Lũy Thiên Am.
- 9- Bách Á tẩu
- 10- Lũy sinh tử.
- 11- Lũy không tâm.
- 12- Địa ngục sinh.
- 13- Tháp Đặng Ấn Phong.
- 14- Hám Sơn
- 15- Suối ngọc.
- 16- Giếng vàng.

- Lại có hai thứ cỏ lạ:

- 1- Cỏ Kê túc.
- 2- Cỏ măng đăng.

Đông Đài, xưa trước gọi là Tuyết Phong, tại sườn núi có núi Nghiên-già-la, lên trên đài xa thấy bể cả các châu, lúc mặt nhật lộ dạng, trông nhìn xuống dưới biển lớn, tựa như vũng đầm vậy.

- Xưa trước có mười lăm ngôi chùa:

- 1- Chùa Hoa Lâm.
- 2- Chùa Hương Vân.
- 3- Chùa Quán Hải.
- 4- Chùa Hương Lũy.
- 5- Chùa Đồng Chung.
- 6- Chùa Thạch Đường.
- 7- Chùa Long Bàn.
- 8- Chùa Quang Minh.
- 9- Chùa Vạn Tượng.

- 10- Chùa Phụng Lãnh.
- 11- Chùa Long Tuyền.
- 12- Chùa Ngũ Vương.
- 13- Chùa Thiên Thành.
- 14- Chùa Ôn Thang.
- 15- Chùa cổ Hoa Nghiêm.

- Đến nay có thêm ba ngôi chùa:

- 1- Chùa Kim Giới.
- 2- Chùa Càn Minh.
- 3- Viện Đông Tháp (nay làm ni viện).

- Lại có mười một linh tích:

- 1- Tùng Tử Mậu.
- 2- Cửa Xích Long.
- 3- Hang Lục Phụng.
- 4- Ao Minh Nguyệt.
- 5- Thành Ngũ Vương.
- 6- Rừng táo.
- 7- Lũy Nhũ Đầu Hương.
- 8- Núi Nghiêng-già-la.
- 9- Hang Na-la-diên.
- 10- Dấu chân Vạn Thánh.
- 11- Ôn Thang (ấm lạnh).

- Lại có ba thứ thuốc:

- 1- Nhân sâm.
- 2- Trường tùng.
- 3- Phục Linh

Tây Đài nối liền với hang Bí Ma, bậc đá hiểm nguy vút tận mây rừng cầu phẩy mặt nhật, phân khoảng không tuyệt dứt tường vách, tiếp liền với núi Hán tầng.

- Xưa trước có mười hai ngôi chùa:

- 1- Chùa Bí Mật.
- 2- Chùa Thạch Môn.
- 3- Chùa Du Càn.
- 4- Chùa Nhũ Thạch.

- 5- Chùa Đông Tiêm
- 6- Chùa Đại Hội.
- 7- Chùa Nhật Chiếu.
- 8- Chùa Hương Dương.
- 9- Chùa Thiết Cần.
- 10- Chùa Phù Đồ.
- 11- Chùa Hùng Đầu.
- 12- Chùa Báo Tử.

- Đến nay, có thêm bốn ngôi chùa:

- 1- Chùa Lý Ngư.
- 2- Chùa Hắc Sơn.
- 3- Chùa Ngưỡng Bàn.
- 4- Chùa Bệnh Ngư Tuyên.

- Lại có mười lăm Linh tích:

- 1- Hòa thượng Nê Trai.
- 2- Đống đất Hiếu Văn Đế bán.
- 3- Sườn Bồ Dược Vương.
- 4- Hương Sơn.
- 5- Dấu vết sư tử.
- 6- Dấu vết vua nước Vu Điền.
- 7- Tảng đá hai vị Thánh Đàm nói.
- 8- Nước tám công đức.
- 9- Cửa đá.
- 10- Cửa chim.
- 11- Hang rỗng.
- 12- Sườn Bồ-tát đỏa.
- 13- Tháp Vương Tử thiêu thân.
- 14- Tảng đá ngôi cắt thịt.
- 15- Đào tiên Vương Mẫu.

- Lại có ba thứ thuốc.

- 1- Hoàng tinh.
- 2- Mộc qua.
- 4- Phục linh.

Nam Đài cô tuyệt, cách các đài hơi xa, sườn rừng tươi tốt, bờ hang nghiêng thực, rất là vắng lặng. Xưa trước, có Thiền sư tăng minh đến ở

đó hơn ba mươi năm, cũng thấy gặp thần tiên bay giữa hư không mà đi, chỉ cỡi lột da. Trong khoảng ba mươi dặm đều là các thứ danh hoa mọc khắp đầy sườn núi, người đời gọi đó là núi Tiên Hoa. Chùa biến hóa từng gập, tiếng chuông có lúc ngân vang. Xưa kia có người từng gặp dị nhân thân hình to lớn hơn hẳn người đời, dùng nói năng chốc lát, bỗng vọt bay đi xa. Nên Thiền sư tăng mình có làm bài ca rằng: “Nam Đài núi đẹp, rồng thần tựa nường, mây xuân ùn nổi, mưa hạ lã tã, tăng tục chiêm lễ, nằm nơi kẻ đá, quên cả mệt khát, tội gì chẳng diệt, phước nào không nhuần, nằm nơi kẻ đá, mà ngòi thần quy, gai Bồ-tát sung làm gậy rồng, cỏ La Phù bện làm áo thiên. Ở nơi hang núi chừ tỉnh lự, giẫm bước đánh núi chừ tìm sư, ăn trường tùng tỏa trí, ngậm thưởng hoa cúc trừ đời, giảng nói Bát nhã, chí hạnh Thiền sư. Lại thấy Long Mẫu, lại thấy rồng con, người cúng bạch được, trọn lìa khổ suy!”

- Xưa trước có chín ngôi chùa:

- 1- Chùa Sa Bà.
- 2- Chùa Thù Công.
- 3- Chùa Quách Ma.
- 4- Chùa Khảm Nham.
- 5- Chùa Tịnh đồ.
- 6- Chùa Cao Lãnh.
- 7- Chùa Thạch Đài.
- 8- Chùa Tiểu Bách.
- 9- Chùa Xích Nhai.

- Đến nay có thêm ba ngôi chùa:

- 1- Chùa Phước Thánh.
- 2- Chùa Linh Cảnh.
- 3- Chùa Pháp Hoa.

- Lại có chín Linh tích:

- 1- Cốc Thất Phật.
- 2- Đôi cảnh thắng Long cung.
- 3- Bình nguyên vạn mẫu.
- 4- Tướng Đông Vương.
- 5- Tướng Tây Vương.
- 6- Thần Quy.
- 7- Đông Xa Tiêm.

- 8- Tây Xa Tiêm.
- 9- Kể đá nước nở.

- Lại có hai thứ thuốc:

- 1- Nhân sâm.
- 2- Chung nhủ.

Phía Bắc của Trung Đài, phía Nam của Bắc Đài, khoảng giữa đó có ao chư Phật tắm rửa, cả thảy một trăm hai mươi cơ sở, bốn mặt đều là nước, chính giữa là đài đất, vuông tròn rộng ba thước, gọi là bồn rửa tay của Bồ-tát là nơi du hý. Năm đó, mùi hương phảng phất, sắc tướng quang minh. Người nóng trông thấy, thần đời mắt loạn chẳng dám dừng đứng lâu, nhưng mọi người cũng ít đến đó. Trong ao, phần nhiều hay sinh mọc mây trắng tương trọng như đội trượng, có tượng Bà-la-môn Phạm chí. Nếu trông thấy Bồ-tát và vầng ánh sáng thì nếu là bạch y Cư sĩ tức chứng đắc sơ quả hay nhị quả, còn nếu là Tăng sĩ xuất gia nghiêm trì tịnh giới tức chứng đắc tam quả hoặc tứ quả.

Hang Kim Cang tức là vườn nhà lớn của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, hang đó tại dưới sườn núi của Đông Đài và Bắc Đài, lầu quán tại trong cốc, giữa khoảng đánh núi của nam và bắc có cửa đá, là nơi Đại Thánh xưa trước từng vào ra mà mọi người phần nhiều không biết. Trước kia, có Sa-môn Phật Tuệ ở huyện Phồn Trĩ từng vào hang đó, đi khoảng chừng ba mươi dặm, có dòng sông giăng ngang, đã vượt qua tức đến Bình Xuyên, không có các loại cây như côi phàm, chỉ thấy toàn là rừng báu. Trông nhìn khắp bốn phía đều là lầu vàng tháp ngọc, ánh ngời lóa mắt. Sau khi trở ra, Sa-môn Phật Tuệ kể nói cùng mọi người như vậy.

Năm Trường An thứ hai (702) thời Tiền Đường, Võ Hậu (Võ Tắc Thiên 685-705) sai sứ đến chùa Đại Phu Linh Thứu tại núi Ngũ Đài, trước là tìm hái hoa vạn chu, chuyển dời đến tường cấm, mùi hương kỳ đặc sắc màu thường, có trăm ngàn danh phẩm, khiến tại nội đạo tràng gieo trồng cúng dường. Lại ban sắc cô Ni Diệu Thắng ở chùa Vạn Thiện đến Trung Đài tạo dựng tháp. Phàm suốt một năm, công việc hoàn tất, lại sai Nội thị hoàng môn Kim Thú Trân đến núi cúng dường. Trong khoảng niên hiệu Hiển Khánh (656-661) thời Tiền Đường, vua Cao Tông (Lý Trị 650-684) thiết trai là cúng dường vạn vị Bồ-tát. Ngày đó, ở Hậu Châu Đại Châu có một vạn vị Tăng tuần lễ, đều nói là vạn vị Thánh đến dự hội, cúng thí một vòng tiền, một vạn dây xâu tiền, riêng cúng thí Bồ-tát. Nội thị cùng các châu huyện đều tấu đạt đến triều đình, từ đó điếm Linh Đài núi trở lại hưng thịnh.

7. GIẢI THÍCH NƠI CHỖN CÁC CHÙA Ở NGŨ ĐÀI.

Căn cứ theo “Linh Tích ký” nói xưa trước tương truyền có một trăm mười ngôi chùa. Đến trong thời Bắc Tề có cất thuế khóa của vài châu để sung vào cúng dường bèn từ thời Bắc Chu trở lại nhân gặp phải sự phế hủy, chân đài tịch mặc trống không, chỉ còn trường mê lộc, tháp báu hư đổ, chỉ còn dấu vết chim chuột nhóm tụ, bỗng chốc tiếng chuông vắng bật, trong nước nhà phân chia nát đổ, ngụ ở cao vọt bay, muôn dân thán oán, binh lửa kéo dài liên miên đến nỗi vàng bạc chẳng còn gì, đại để các ngôi già lam phần nhiều bị cháy rụi, biển gạch danh hiệu đã hết, nền móng chẳng còn. Số có thể trú trì gìn giữ có cả thủy sáu mươi bảy ngôi, ngoài ra đều tiêu mất cả!

* Chùa Đại phu Linh Thứu, ở đời tương truyền là được dựng lập trong khoảng niên hiệu Vĩnh Bình (58-76) thời Hậu Hán. Sở dĩ chùa có tên là Linh Thứu, căn cứ theo theo “Tây Vực ký” quyển chín nói tiếng Phạm là núi “Kết-lật-đà-la-củ-tra” tức là nơi đức Thích Tôn giảng nói kinh Pháp Hoa, tiếng Trung Hoa thời Tiền Đường phiên dịch nghĩa là “Thứu Phong”, cũng gọi là “Thứu Đài”. Tiếp liền với phía nam của Bắc Sơn riêng lẻ nổi trội. Đã là nơi chim thú nường đậu dừng ở lại cũng thuộc loại Đài Cao, giữa khoảng không xanh biếc ánh ngời, nồng đượm phân sắc. Núi đây cũng như vậy. Nay là nền móng của viện chân dung, sườn núi đặc biệt riêng nổi trội, có cùng thuộc loài đài cao, dáng thế tiếp liền với sườn núi của Trung Đài và Bắc Đài, hình dáng núi tương tự. Do đó, mà gọi tên như vậy. Chùa y cứ núi ấy mà đặt tên, nên gọi là chùa “Đại Phu Linh Thứu” vậy.

Xưa trước, có Thiên sư Tuệ Vân ở chùa Đại Vân tại Sóc Châu, là bậc đức hạnh cao vời. vua Minh Đế (Lư Trang 58-76) thời Hậu Hán rất mực lễ trọng, ban chiếu thỉnh mời đến làm Thượng tọa ở chùa đó. Tạo một bộ âm nhạc, công kỹ có cả trăm người, tiêu sáo, không hầu, tỳ bà, tranh sắc, thổi loa đánh trống, trăm thứ đùa vui náo động, tay áo múa mây bay, xà nhà ca bụi nổi, tùy theo thời cúng dường, kết chuỗi ngày thành năm, nhạc sánh như khúc nhạc của tiên trời ma lợi, đồng như cõi Phật Duy Vệ, bay đến trong hang Kim Cang, nay ra trong chùa Linh Thứu, tiếng vang tấu nổi hợp với khổ không. Người nghe dứt ác tu thiện, viên mãn lục độ, muôn hạnh tinh thuần. Từ trong thời tượng pháp trở lại, chỉ một lần gặp đó.

* Chùa Thanh Lương y theo núi mà đặt tên, chùa gá ở bên cạnh hang. Phía trước thông liền với khe hang, phía trên tiếp với ráng mây. Ngày mười lăm tháng năm năm Trường An thứ hai (702) thời tiền Đường,

Kiến An Vương Sĩ tinh châu trưởng sứ tấu trình trùng tu sửa sang. Võ Hậu (Võ Tắc Thiên 685-705) ban sắc đại đức Pháp sư cảm đích thân đến bái yết Ngũ Đài. Ngày hai mươi tháng bảy, lên đánh đài, các hàng tầng tục có hơn ngàn người đều thấy trong mây năm sắc xuất hiện tướng tay Đức Phật, chôn trắng nai trắng quen thuận phía trước, phạm âm vang vọng theo gió róc rách. Giữa núi cốc, hương thơm khác lạ phảng phất, mọi người xa gần cùng theo, lại thấy có đại tăng thân sắc vàng tía đứng ngay trước mặt. Lại thấy có Bồ-tát, thân mang đeo chuỗi anh lạc xuất hiện ở đánh núi phía tây, Pháp sư cảm mới đồ họa tấu trình, Võ Hậu rất vui mừng, bèn phong ban Pháp sư cảm là “Xương bình huyện khai quốc công”, và thực ấp gồm ngàn nhà, thỉnh mời sung đến ở chùa Thanh Lương, chủ quản việc tăng ni từ kinh đô rộng đến cả nước nhà. Võ Hậu lại ban sắc Tả Thứ Tử Hầu Tri Nhất, Ngự Sử Đại Phu Ngụy Nguyên Trung bảo thợ đục ngọc làm tôn dung của Võ Đế đưa vào núi Ngũ Đài, lễ bái Bồ-tát. Đến năm Trường An thứ ba (703) thời Tiền Đường, đưa đến núi Thanh Lương để tôn trí. Khi ấy các hàng tầng ni khắp cả nước đều tấu xin đưa đi, Võ Hậu không chấp thuận, cho rằng xứ Nhạn Môn tiếp liền với mọi rợ, chỉ lưu tôn dung Võ Hậu tại giữa đại điện chùa Sùng Phước ở Thái Nguyên mà cúng dường. Đến núi Ngũ Đài tạo tháp lập bia, thiết trai cúng dường. Vậy đủ biết, cảnh chân nơi Bồ-tát ở, các bậc đế vương thường ngày chăm lo muôn việc còn tạo thân ngọc đến lễ bái Đại Thánh. Huống gì các hàng phàm thứ há chẳng theo phong hóa một lần đến cảnh thanh tịnh, tai ương nhiều kiếp bèn tiêu, tạm lên Linh Phong, tội chướng lăm đời tự diệt ấy ư?

* Chùa Phật Quang, do Yến Đãng Vương dựng lập, bốn mặt đều là núi rừng, ngay giữa bằng phẳng. Yến Đãng Vương tuần du bái yết kính lễ, đến cửa núi đó, gặp ánh sáng thân của Phật tỏa chiếu khắp núi rừng. Nhân đó, đặt biển gạch gọi tên là chùa Phật Quang. Năm Chánh Quán thứ bảy (?) thời Tiền Đường, Thiền sư giải thoát ở chùa Chiêu Quả tại huyện Ngũ Đài lại gia công trùng tu tái tạo sự việc như trong truyện của Sa-môn Tuệ Đường (Cổ Thanh Lương truyện) đã nói.

* Chùa Thiên Tử, biên ghi rõ đủ như trong truyện của Sa-môn Tuệ Đường (Cổ Thanh Lương truyện)

* Tây Đài tiếp liền với cốc Đông Nga, có một ngôi chùa xưa tên là “Bí Ma Nghiêm”. Cũng đã nói đầy đủ ở trong truyện của Sa-môn Tuệ Đường (Cổ Thanh Lương truyện). Chùa ấy, trong khoảng niên hiệu Thùy Cung (685-689) thời Tiền Đường, tại Nhạn Môn có Thanh Tín cư sĩ Bích Lư sùng nghĩa từ thừa hình đồng vốn phục tâm tạo huyền quan,

đốc chí có chỗ kết quy tinh cầu chẳng nhọc mệt, rảo bước đến chùa đó, thệ nguyện trú trì, kinh các mối hoàn thành, lầu đài doanh niệm, đường điện phòng hiên có sáu bảy viện vũ. Khoảng hai, ba, bốn đồng bạn hành nhân, mây giăng đất từ, các bậc danh đức ở mười phương đồng đến ở trong đó, chẳng sợ nhọc mệt, chỉ chuyên thiền tụng. Đến năm Trường An thứ ba (703) thời Tiền Đường, khắp nước nhà đều sưu tầm các bậc tài giỏi chẳng bỏ sót nơi chốn đồng hoang hay hang cốc, Bích Lư sùng nghĩa bèn bị mời vào, nhân đó xin được xuất gia làm tăng, bèn được ban sắc chấp thuận cho được xuống tóc đắp mặc pháp y, sau mới trở về núi, trọn đời ở tại chùa ấy vậy.

* Phía tây của Bắc Đài, thuộc phía Đông nam của huyện Phồn Trĩ có một ngôi chùa tên là “chùa Công Chúa”, do công chúa Tín Thành, con gái thứ tư của vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoàn 471-500) thời Bắc Ngụy tạo lập. Với thời gian niên đại lâu xa, ni chúng đều vắng tuyệt, phòng hiên viện vũ, điện Phật giảng đường, tháp chín vị nữ, ngoài gạch vẫn hiện còn. Đến trong thời Tiền Đường, có một ni cô đồng nữ tên là Xú Xú có được một viên thạch ngọc vuông tròn một thước, có các đường văn năm sắc, trong ngoài ngời sáng, tự mang đến kinh đô, hiến dâng cho Võ Tắc Thiên (Võ Hậu 685-705), Võ Hậu bèn tặng cho một trăm xấp lụa nguyên, sau đó lại bảo có chí ý định đặt biển ngạch độ ni chúng, nhưng Xú Xú cảm mắc bệnh mà về đến nơi đã chết, mới chịu chẳng toại tâm nguyện ấy!

* Tại sườn núi của Bắc Đài có chùa Mộc Qua, xưa trước lên đài, đường đi do từ xứ đó, do thời gian lâu xa nên không biết mới đầu do ai tạo dựng như thế nào. Chùa có một người nữ tóc dài tên là Phật Tuệ tuổi khoảng 74-75, dáng mạo tợ ngu si, nhưng các bậc lão túc đã trăm tuổi từ thừa thiếu thời từng trông thấy dáng mạo người nữ ấy vẫn như mới đầu không đổi khác, tu sửa già lam thường là dẫn đầu. Tại huyện Phồn Trĩ từng có hơn ba trăm người theo Phật Tuệ lên Bắc Đài, vừa gặp lúc mưa bão, bèn vội dẫn nhau xuống bên cạnh đài vào dưới một lũy, một nửa lũy ấy trống rỗng như phòng nhà, Phật Tuệ dẫn trước, mọi người cùng theo vào, đồng ngồi giữa lũy trống rỗng và đều dung chứa tất cả mọi người, thật chẳng thể lường biết sức thần ấy, người thời bấy giờ cho rằng Phật Tuệ là nhục thân Bồ-tát.

* Chùa Phổ Tế ở phía nam của non Đại Hoàng Tiêm, bờ rừng thanh hư, đất bằng sông suối thoáng rộng, nhìn về phía tây thấy núi khải lão nhìn về phía Đông thấy đá Man thiên, nhìn phía nam thấy Trung Đài và Bắc Đài. Ngay phía Bắc của chùa Mộc Qua có dòng suối

vào đất, những người đi tuần đài bỗng gặp mưa bão đến đó lánh nạn.

* Trong hang cốc của phía Bắc Đài có chùa Tống Cốc, chùa Bảo Tích, lại về phía Đông bắc có chùa Bảo Sơn đều ở trong hang cốc, viện vũ u kỳ, lầu đài tráng lệ, đến nay vẫn hiện còn.

* Địa ngục sinh cách bắc đài về phía Đông không xa, có đá loạn lẫn chồng chất vút cao. Nghe các bậc lão thành xưa trước có Trương Thiện Hòa từng đuổi theo một con thỏ trắng đến đó, mà vùi lấp vào bên trong thấy địa ngục. Cách địa ngục không xa lại thấy một kinh tạng, tầng các tráng lệ, Trương Thiện Hòa kinh sợ là đến trong đó, nhân thấy trong tạng bụi bặm lấm dầy, bên cạnh đó cũng có cái chổi, chổi sạch để quét dọn đó. Khi ấy Trương Thiện Hòa chợt sinh phát thiện tâm, nhân vì quét dọn khiến đều sạch sẽ, nhờ chút thiện tâm đó, Trương Thiện Hòa lại được ra khỏi nơi đó. Tôi (Diên Nhất) cho rằng nếu chẳng phải cảnh giới do sức nguyện của Đại Thánh thì sao có thể cảm hóa được như vậy ư?

* Thiền sư Đặng Ấn Phong vốn người xứ Thiệu Võ, Phước Kiến. Ở đời tương truyền Đặng Ấn Phong cùng người em gái xuất gia đều đến nơi đài. Lúc đến trên đỉnh đài, bỗng nhiên người anh (Đặng Ấn Phong) biệt mất. Người em gái phỏng tin không được, bèn đến phía tây của Bắc Đài, theo đường phía nam lên trên đá, đầu cúi xuống đất, chân lên trên trông ngược mà đứng. Quần áo tung lên trên, dựng đứng mà chẳng loạn, an nhiên thị tịch. Người em gái bảo: “Tánh tình khinh tháo đến lúc chết mà không sửa đổi”. Bèn mới xô ngã, và liền ngay đó cử hành trà tỳ, xong gom nhặt linh cốt và chất đá làm tháp, đến nay vẫn hiện còn.

* Hám Sơn tức thuộc phía Đông bắc của Bắc Đài. Ở đời tương truyền là vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoàn 471-500) thời Bắc Ngụy đến Đài Sơn lánh nắng nóng, Đại Thánh hóa làm thành vị Phạm tăng theo vua xin một chỗ đất trải tọa cụ, tu hành dừng ở. vua chấp thuận. Phạm tăng mới trương bày tọa cụ mà che phủ hơn năm trăm dặm. vua biết đó là thần mới vội vã mà đi, xoay đầu trông nhìn lại, núi ấy cao vội theo sau, vua kêu bảo: “Người khéo hám núi, sao theo trẫm ư?” Nhân đó mà dừng, vì vậy gọi tên như thế.

* Chùa Đường Xương cách chùa Phật Quang về phía Đông bắc khoảng bốn, năm dặm. Xa xôi cao vội chùa Vũ vắng vẻ. Ở đời tương truyền là xưa kia Đãng Xương Vương tạo thành Phật Quang, an dừng tại đó, nhân vậy mà đặt gọi tên. Xin ghi chú rằng thuyết ấy có thể hoặc là sai nhầm, nghi rằng trong thời Tiên Đường ban sắc biển ngạch lấy chữ Xương thạch làm tên vậy.

* Chùa Thạch Quật cách chùa Phật Quang về phía Đông bắc hơn hai mươi dặm, do Thiền sư Nghiêm tạo dựng. Ở Ngay cửa núi, lên chùa Thanh Lương đường đi trải qua xứ ấy, nên đó là nơi dừng nghỉ của các người đi lễ bái.

* Chùa Vương Tử thiêu thân tiếp theo về phía bắc cách khoảng năm, sáu dặm, có chùa Tiểu Nham, chùa Đại Lũy, chỉ còn ngôi gạch nền móng. Ngoài ra đều đã hủy hoại, tháp miếu ở đương thời chẳng còn một gì. Xứ đất ấy rất là sinh thiện, nhưng đường đi tham lễ nhỏ hẹp nên người đến rất ít. Xưa trước có Cô ni Minh Nguyệt Pháp Ốc v. v... ở chùa Vạn Thiện tại Tây Kinh đến đó dựng lập am mà ở, thường chuyên trì tụng kinh Hoa Nghiêm và kinh Niết-bàn. Đến năm Thần Long thứ nhất (705) thời Tiền Đường thì thị tịch.

* Tại phía Bắc của Trung Đài và phía nam của Đài Lãnh, có hai ngôi già lam tên là Ngô Ma và Thông Viên. Hai ngôi chùa ấy, có chủ chùa Hồng Mã ở đó trú trì, cũng nói là bậc giới đức tỏa sáng ở đương thời, oai nghi cảm động vật tình, có Đàn Hồ như chó quen thuần vây quanh sân viện, chuông khánh ngân vang giữa hư không như có người khua gióng, sáu sự chẳng mất, mười tháng thường nghe. Các hàng tăng tục đi tuần đài, đến đó mà tham lễ, có ba, năm Cô ni tuổi hết kỳ nuôi, chủ chùa suốt cả trăm năm chẳng xuống núi cốc. Đến tháng giêng năm Trường An thứ ba (703) thời Tiền Đường thì qua đời.

* Ở thành Ngũ Vương có chùa Ngũ Vương tạo lập tu sửa rất kỳ lạ, chưa rõ biết Ngũ Vương đặt tên tạo chùa từ thời đại nào, chung quanh còn có dấu vết rừng dâu vườn táo, mọi người vân du bái yết nghĩ suy kính mộ quên cả trở về.

* Dưới chân ở phía nam của Đông Đài thuộc phía trên của Nam Lãnh có chùa Quán Hải, bên trong có ao Minh Nguyệt vuông tròn rộng một dặm, nước sâu tám thước, tuy đầu tháng hay cuối tháng, bóng trăng vẫn hiện ở trong. Cặp quanh ao có hai lũy từng cành nhánh đang xen, mỗi lúc gió trong lành thoảng qua phát tiếng vang như cầm sắt. Từng có Vương Thạch Kỳ người xứ Nhạn Môn, Quách Thượng Hạng người xứ Thái Nguyên, Ngụy Pháp Tài người xứ Tấn Châu, Tiết Tư Cung người huyện Phần Trì v. v... cả thấy hơn ngàn người đi tuần lễ bái ở Đông Đài, bỗng đến chùa đó gặp mưa dầm lớn suốt bảy ngày chưa thôi. Mọi người mới chí thành phát nguyện, nhân đó mà được ráo tạnh, chỉ còn mây giăng chẳng tan. Nhìn về tận phía Đông là biển cả một màu xanh biếc phẳng bằng như sông lớn. Ở trong đó hiện bày tượng Đức Lô Xá-na và nghe giảng pháp. Về sau, Quách Thượng Hạng v. v... có hơn mười người

phát tâm xuất gia, đều được xuống tóc đắp mặc pháp y, và đồng có tiết tháo cao vời.

* Trong cốc đại hội ở phía Đông của Đông Đài có chùa Đồng Chung được tạo dựng khoảng trong thời nhà Ngụy. Chùa có một quả chuông đồng có thể chứa đựng ba mươi hộc, hình như bụng bình, thân làm tám góc, Khắc Tử Ngụy dó Kim Cang, lấp vùi lỗ mũi voi ẩn nổi, các thứ báu xen tạp trang nghiêm rồng voi nhiều quanh thân, thân tiên khắp bụng, tham thần nhật nguyệt, hình ảnh Thích Phạm liệt bày trên đỉnh. Năm Trung Bình thứ nhất (?) có Sa-môn Tuệ Trừng ngụ ở chùa đó, sau nhân việc hoằng truyền giáo mà xa đến kinh đô, vài năm sau mới trở về lại, thì giữa chuông bỗng nhiên không còn, bèn rất bồi hồi xót xa đau đớn càng lắm, bỗng thấy một dị nhân, Tuệ Trừng bèn hỏi nguyên do, người ấy đáp: “Tôi là thần núi ở đây, chuông đã đưa vào trong hang Kim Cang, vốn do vua trời Đâu Suất chú tạo vậy”. Tuệ Trừng bảo: “Chẳng phải thế, chuông ấy được chủ tạo thời Phật Câu Lô Tần, cơ sao thần núi gom đưa vào hang Kim Cang?” và Tuệ Trừng bèn khắc đá ở chùa làm bài minh rằng: “Chùa gần hang pháp cổ, khua giáng rống động nị tra nghe, nhóm tập hiền Thánh diệt nhân khổ, bị thân đưa vào Kim Cang luân, ai được biết thấy thần núi, trước vạn Thánh sáu thời nghe, viết phụng biếc khắc bạc trắng tiêu biểu nơi chuông đồng đi để dứt tuyệt người nghi đời sau”.

* Chùa Ôn Thang do Ngũ Vương tạo lập, xưa kia năm vị Vương tử, chẳng biết thuộc thời đại nào nhờ đời kiếp trước gieo trồng căn lành nên được làm Vương tử, lại bởi duyên tạo nghiệp xấu ác, nên nhiễm mắc bệnh già-ma-la, bèn chuyển dời vào núi, đến nơi suối ấm này mà tắm rửa, bệnh bèn được lành, thân trở lại nhẹ nhàng, nên tạo chùa trú trì, nhân đó lấy chữ “Ôn Thang” (ấm lạnh) làm hiệu, bên trong chùa có một ngôi tháp gạch cao khoảng hai trượng, tầng cấp ba lớp, bên trong có tượng Lô-xá-na, Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền và các bộ cùng theo thấy đều đầy đủ. Trong khoảng niên hiệu Vạn Tuế Thông Thiên (697-698) thời Tiên Đường, có Sa-môn từ vân sáng lập an đặt, về sau mọi người vân du tham lễ qua lại chẳng ngắt.

* Từ non Thanh Lương về phía nam cách hơn ba mươi dặm vào trong cốc lớn, có chùa Khảm Nham, chùa Tiểu Bách, chùa Khảm Nham có điện Phật cửa lầu. Trong chùa Tiểu Bách có hai ngôi Phù Đồ, một ngôi ngay cửa đường, một ngôi tại trong cốc. Người xứ Đông Sơn phần nhiều ghi hạp tại đó. Ở phía bắc có bình nguyên muôn mẫu, đó là trang điền của Sa-môn Lý Trừng làm phổ thông cúng dường. Xưa kia có vị

Tăng xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, cứ một niệm thì ném một hạt đậu vào trong cái chum mười hộc, niệm đầy đủ chum ấy mới thấy Phật A-di-đà đến nghinh đón, nhân đó mà thị tịch.

* Chùa Xích nhân ở giữa sườn núi gần đường an đặt chùa đó, suối cao nhỏ giọt rơi nước thấu hang. Phía dưới cách khoảng bảy tám dặm dậm cúi nhìn xuống là linh thọ trấn định, lại thấy Dịch Châu ôm quanh bụng núi công đức.

* Phía nam cốc Đông Nga có chùa Thiết Cẩn chùa Hương Dương, chùa Nhật Chiêu, chùa Lũy Thạch đều tại trong cốc, cây rừng cao sâu liên miên chẳng cùng. Chư tăng chùa Phật Quang phần nhiều đến dừng ở đó.

* Vào cốc Đông Nga có chùa Đại Hội, chùa-dục Vương, chùa Du Cẩn, chùa Nhữ Thạch, chùa Đông Tiêm, phía trên bên hữu có ngôi già lam đều ở tại trong cốc, phần nhiều ở nơi hang hiểm trở. Bên trong có sườn Bồ Quyên thân, sườn Bồ-tát đỏa, tảng đá ngôi cất thịt v. v... Trước mặt có chùa Hùng Đầu, chùa Báo Tử, chùa Hắc Sơn, Chùa Cam Tuyền, chùa Vọng Đài cùng cách nhau chẳng xa chỉ khoảng từ mười đến mười lăm dặm, đều chiếm cứ hình thế ưu thắng, miếu Phật tinh xá mỗi mỗi đều có.

* Hòa thượng Thạch Nê, không rõ biết là người thuộc thời nào. Nghe các bậc lão thành kể là ở hang dưới cốc phía Đông bắc gần Tây Đài, tu đạo, mỗi lúc đến giờ ngọ vắt bùn làm tể để dùng bữa ăn, mọi người chẳng thể lường biết, và cuối cùng cũng không biết như thế nào.

* Từ Đông Đài về phía bắc cách hơn bốn mươi dặm đến dưới đáy cốc có dùng Hoa Lâm, chùa hương Vân. Từ chùa về phía Đông cách năm mươi dặm có chùa Hương Lũy. Bên cạnh chùa có Nhữ đầu Hương Lũy. Về phía nam lũy cách 80-90 dặm có chùa Từ Vân, chùa Thạch Thất. Phía dưới có chùa Long Bàn, có hình rồng cuộn cong trên đá hiện còn. Tiếp về phía nam có chùa Quang Minh, chùa Vạn Tượng, chùa Long Tuyền, chùa Phụng Lãn. Chùa Từ Vân tại trong cốc Đại Hội, chùa Thạch Thất tại trên non Ôn Tuyền, chùa Long Bàn chánh ngay dưới xuyên, chùa Quang Minh chùa Vạn Tượng mọi người trông thấy chẳng đồng, hoặc ẩn hoặc hiện, có người từng thấy tại bên cạnh chùa Nam Lãn, có lũy lúa vườn quả, có vị Tăng thấy tại trong xuyên. Suy lường chẳng biết nguyên do tại sao. Cảnh giới Đài Sơn chẳng thể y cứ lời nói mà lấy làm cố định, phần nhiều đều là sai khác, bởi quyền nghi hóa hiện của các Thánh, nên người thấy gặp mỗi tự có khác biệt.

* Có hai ngôi chùa biến hóa. Căn cứ theo “Linh Tích ký” nói thì

một là chùa Thiên Thành từ thành Ngũ Vương về phía Bắc cách khoảng năm mươi dặm, bốn mặt đều là thành Trời, một sông bằng phẳng, mây núi cao vút, tuyết bao tuôn đổ. Căn cứ theo “Cổ già lam truyện” xưa trước nói: chùa biến hóa chẳng y cứ nơi đất mà dựng lập, chỉ hiện ở giữa không trung, đạo tràng của Bồ-tát, cõi tịnh của Văn-thù, lầu son điện biếc, do bảy thứ báu hợp thành, vàng tía bạc trắng, lưu ly đồi mồi, lưới châu giăng móc xoay ra ráng mây. Các người được gặp, máy trần chóng dứt. Có ao nước sâu khoảng trượng bốn, năm thước, trong suốt thấy tận đáy, bình thường tràn đầy chảy xuống. Có lúc có chim linh lông cánh năm sắc bay liệng trên dưới ao hồ hòa tiếng kêu vang. Cũng có am tranh nhà cỏ hơn mười lăm ngôi ở lưng chừng núi, chẳng lường biết đó là Thánh hay phàm, những người lên đài có lúc được thấy.

* Từ chùa Hoa Lâm ở phía Đông của Đông Đài xuống dưới sườn núi có một ngôi chùa xưa, chẳng thấy có biển ngạch, bên trong đường viện rộng một hai dặm. Bốn mặt đều là mây núi như đồng khắc vót, ở lưng chừng núi tạo dựng tinh xá già lam. Tháp báu vút giữa hư không, thật chẳng phải khả năng con người tạo dựng. Xưa trước có Thiền sư Nhuận là bậc đức hạnh cao khiết rảo bước đến đó, bỗng gặp chùa biến hóa, thấy hai Lão nhân dung mạo khác phàm đi như ngựa chạy thẳng đến đánh núi đó, chỉ trong chốc lát biến thành thiếu niên, nói năng hòa nhã âm thanh như chuông khánh, miệng xướng lời kệ rằng: “Lời của Thượng Thiện có thể buông phóng, thiện của Trung Hạ, cần nên gom thâu. Báu của Kim Cang có thể lấy dùng, Đề Hồ Diệu được khá đáng uống”. Vị Tăng ấy ngưng lắng tư duy, nghe nghi điều nói đó. Có Tuấn biện Công Tôn Sinh, Xá-lợi tử Hùng Nhã, thấu cùng căn nguyên của ba cõi, đồng cú nghĩa của nhất thừa, để lại cho vị Tăng Thánh được, bèn được phương cách ăn bánh bột. Vị Tăng ấy đã được nhận sự chỉ dạy xoay trở lại liền chẳng thấy người. Đã chẳng biết chùa cũng khó gặp gỡ, hoặc là biến hóa hoặc là chân thật, không thể biết được vậy.

* Về phía Đông nam của Trung Đài có chùa Ngọc Hoa, ở đời tương truyền là xưa kia có năm trăm Phạm tăng ở trong đó chuyên tu thiền định trí tuệ, chín tuần chùa hạ nắng nóng tức đến Trung Đài an cư, còn ba tháng mùa đông rét giá liền trở về ở Ngọc Hoa, tinh cầu thiền tụng, khổ chí chẳng phế bỏ tất thời gian, từng có ba mươi con. Tuy chẳng phiến nhọc nhằn trông theo bắc xuyên lên xuống chuyển vận lương thực để chư tăng sử dụng như vậy suốt vài mươi năm chưa từng khuyết thiếu, tức nay là phía bắc của nhà trụ ở Trung Đài, nền móng địa chỉ chùa xưa vẫn hiện còn.